

Văn bản: TRÀNG GIANG

(Huy Cận)

I. Giới thiệu chung

1. Tác giả: Huy Cận sinh 1919 tại Hương Sơn, Hà Tĩnh, trong một **gia đình nhà nho nghèo gốc nông dân**. Lúc nhỏ ông học ở quê, sau vào Huế học trung học rồi ra Hà Nội học trường Cao đẳng Canh nông.

- Huy Cận có thơ đăng báo từ 1936. Tập thơ "**Lửa thiêng**" xuất bản 1940 bao trùm toàn bộ tập thơ là **nỗi buồn mệnh mang da diết** với đủ cung bậc: "**Sâu nhân thế, sâu thời thế, sâu thân thế**". Thiên nhiên trong tập thơ thường bao la, hiu quạnh, đẹp nhưng buồn.

- Sau cách mạng tháng Tám, nhất là từ 1958 hồn thơ Huy Cận được khởi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và lao động dựng xây của nhân dân, trở nên dồi dào, tràn đầy lạc quan.

2. Văn bản

a. Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ: “Tràng giang”

-Viết vào mùa thu năm 1939, lúc này nhà thơ đang là sinh viên trường Cao đẳng canh nông. Vào những buổi chiều ông thường lên bến Chèm trên bờ đê sông Hồng để ngắm cảnh sông nước và chính con sông đã gợi hứng cho ông.

-In trong tập "**Lửa thiêng**" (1940).

b. Ý nghĩa nhan đề:

-Tiêu đề bài thơ là "**Tràng giang**", đây là hai từ Hán Việt. Nếu chỉ nói sông dài thì chỉ gọi ra định lượng. "**Tràng giang**" gọi ra một con sông vừa dài, vừa rộng. Dài ở tiếng "**Tràng**" và rộng ở hai nguyên âm a của hai âm tiết tạo nên. Mặt khác hai tiếng "**Tràng giang**" gọi ra một con sông dường như của một thuở xa xưa nào đã chảy qua chiều dài lịch sử, bao gồm nhiều tầng văn hoá và bao ánh thi ca.

-Lời đề từ của bài thơ không phải là sự trang sức nghệ thuật mà là điểm tựa cho cảm hứng, cho ý tưởng của tác giả triển khai tác phẩm. Nhân vật trữ tình đứng trước cảnh sông dài trời rộng đã thể hiện tâm trạng băng khuâng và nỗi nhớ của mình. Mặt khác cũng có thể hiểu **trời rộng băng khuâng nhớ sông dài**. Huy Cận đã tạo ra một điểm tựa độc đáo. Đó là sự kết hợp giữa nỗi nhớ của con người với nỗi nhớ của tạo vật. Con người nặng lòng thương nhớ mà cảnh vật cũng tràn ngập nỗi nhớ đến băng khuâng. **Ngay** từ lời đề từ, tâm trạng nhân vật trữ tình đã tìm được, hoà cảm được với nỗi sâu của sông núi.

III. Đọc hiểu văn bản:

Ôn tập “Tràng giang” (Huy Cận)

Lời dẫn: “*Tràng giang*” không chỉ là một bài thơ hay của Huy Cận mà còn là một trong những thi phẩm tiêu biểu của phong trào thơ Mới. Đôi khi người ta thường hiểu “*Tràng giang*” là bài thơ miêu tả phong cảnh quê hương đất nước qua đó gửi gắm tình cảm với non sông. Nhưng ẩn đằng sau đó là nỗi cô đơn, bơ vơ của con người ngay trên chính quê hương mình. Hoài Thanh trong “*Thi nhân Việt Nam*” cũng nói nhiều về hồn thơ Huy Cận “*chàng Huy Cận khi xưa hay sầu lắm*”. Nỗi sầu ấy đã vĩnh viễn hóa thành câu nói đóng đinh vào thời gian với năm chữ “*Man man thiên cổ sầu*”. Sẽ là thú vị hơn khi tìm hiểu bài thơ này.

1. Khổ 1 : mở đầu bài thơ đúng là một **cảnh sông nước mênh mông bất tận**:

*“Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô lạc mấy dòng”*

-Ngay câu đầu của bài thơ đã nói về cái buồn, một nỗi buồn bất tận bằng **hình ảnh ẩn dụ**: “*sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*”, như nỗi lòng con người buồn điệp điệp trùng trùng.

+ “*Sóng*” ở đây vừa là sóng nước, lại vừa là sóng lòng. Giữa tràng giang mà điểm nhìn nhà thơ tụ vào con sóng nhỏ, tuy nhiều nhưng hiện ra rồi tan biến.

+ “*Con thuyền*” thường là **hình ảnh tượng trưng** cho **cuộc đời lênh đênh, cô đơn, vô định**.

→Không gian vừa mở ra bề rộng, vừa vươn theo chiều dài. Đúng là nó thấp thoáng âm hưởng hai câu thơ cũng tả sông nước trong bài “*Đăng cao*” của Đỗ Phủ:

*“Vô biên lạc mục tiêu tiêu hạ.
Bất tận trường giang cổn cổn lai”
(Ào ào lá trút rừng cây thắm
Cuồn cuộn sông về sóng nước tuôn)*

Cũng là đối xứng nhưng Đỗ Phủ thiên về lối tương phản, còn Huy Cận có cái biên, chỉ dùng tương xứng. Cũng dùng từ láy nhưng Đỗ Phủ đặt ở giữa câu, còn Huy Cận đẩy xuống cuối câu, nhờ thế **hai từ láy nguyên “điệp điệp”, “song song”** tạo ra được dư ba. Nghĩa là lời thơ đã dừng mà ý hướng và âm hưởng vẫn còn vang vọng như dội mãi vào vô biên. Dòng sông lớn mang một nỗi buồn lớn.

-Ý thơ gợi sự chia ly rõ nhất là nằm ở câu thứ ba: “*thuyền về nước lại sầu trăm ngả*”:

+Thuyền buồn vì phải rẽ dòng. Nước buồn không biết trôi về đâu. **Câu thơ có hai cách ngắt nhịp 2/2/3 (4/3) hoặc 2/5 và đều gọi nỗi buồn chia ly.**

+Với sự **hoán vị bằng trắc đều đặn**, gieo vần bằng gián cách, **cấu trúc đăng đối**: “*buồn điệp điệp*” - “*nước song song*” (*những từ láy toàn phần tạo nhiều dư ba*)

Ôn tập “Tràng giang” (Huy Cận)

"Thuyền về" - "nước lại", "một cảnh khô", "lạc mấy dòng"... Khổ thơ có một âm điệu nhịp nhàng, trầm buồn da diết mà lắng sâu.

+Ở câu thơ cuối, tác giả sử dụng **nghệ thuật đối** một cách triệt để. *"Một cảnh khô" >< "lạc mấy dòng"*. Số từ *"một"* định vị cái đơn lẻ, lọt thỏm vào cái *"mấy dòng"* làm nổi bật sự đơn độc, lẻ loi, không có sự liên hệ với một đối tượng thứ hai nghĩa là giữa mấy dòng nước hình ảnh cảnh củi kia không biết đi đâu về đâu. Nhà thơ dường như muốn phát huy thế mạnh của **biện pháp tu từ ẩn dụ**, gợi cho ta nghĩ đến thân phận lạc loài *"hồn bơ vơ không biết tựa vào đâu"*.

*Cả khổ thơ đầu đã vẽ nên một không gian sông nước bao la, vô định, rời rạc, hờ hững. Những hình ảnh *"nước song song, buồn điệp điệp, sâu trăm ngả, lạc mấy dòng..."* không hứa hẹn gì về hội tụ, gặp gỡ mà chỉ là chia tan, xa vời. Trên con sông đó một con thuyền, một cảnh củi lênh đênh càng tỏ ra nhỏ nhoi, bất lực. Ở đây không chỉ thuyền buồn, cảnh củi khô buồn mà cả sông nước, sóng gợn đều buồn.

b. Khổ 2 : điểm nhìn của thi nhân từ viễn cảnh bao quát hướng về cận cảnh để thu được những hình ảnh tinh tế **cảnh đôi bờ sông**:

“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu

Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”.

-Chỉ một câu thơ mà có đến hai từ láy vừa gợi hình *“lơ thơ”*, vừa gợi cảm giác buồn *“đìu hiu”* trong *“Chinh phụ ngâm”*: *“Bến phì gió thổi đìu hiu mây gờ”*.

Âm thanh của cuộc sống náo động của các phiên chợ quê hợp một cách vội vã cũng đã không còn. Chợ chiều thường họp rất nhanh rồi cũng tan mau, trong văn học, hình như chỉ có một buổi chợ chiều duy nhất trong *“Cảnh tình mùa hè”* của Nguyễn Trãi là vui thôi (*lao xao chợ cá làng ngư phủ*).

Suốt đọc bài thơ, Huy Cận đã dày công khắc họa vẽ mênh mông vô biên bằng biết bao chi tiết giàu tính nghệ thuật nữa. Vừa dùng cái lớn lao để gợi sự mênh mông, vừa dùng cái hữu hạn để gợi sự vô cùng. Ấy là *hàng trăm ngả sông, những bờ xanh, bãi vàng, lớp lớp mây cao đùn núi bạc...*

-Bức tranh vô biên của *“tràng giang”* đạt đến tận cùng là ở hai câu này:

“Nắng xuống trời lên sâu chót vót

Sông dài trời rộng bến cô liêu”

+Câu trên là chiều cao vô biên, câu dưới là cái rộng và chiều sâu của không gian. Có một khoảng không đang giãn nở trong cụm từ *“nắng xuống trời lên”*.

+Hai động từ ngược hướng *“lên”* và *“xuống”* đem lại một cảm giác chuyển động rất rõ nét. Nắng xuống đến đâu, trời lên đến đó. Và nó được hoàn tất bởi cụm từ *“sâu chót vót”* để dễ hình dung hơn. Song, chính từ *“sâu”* mới là sự xuất thần của hồn thơ Huy Cận.

Ôn tập “Tràng giang” (Huy Cận)

→ Đây là sự lạ hóa ngôn từ, là sự lạ hóa trong cách nhìn, trong cảm giác ánh mắt tác giả không dừng lại ở đỉnh trời để nhận biết về chiều cao, mà nó như xuyên vào đáy vũ trụ để cảm nhận về chiều sâu, nhưng lại là chiều sâu của cái nhìn ngược lên, cho nên mới là “sâu chót vót”. “Chót vót” vốn là một từ láy độc quyền của chiều cao. Còn sự trống vắng của tràng giang được cảm nhận bằng nỗi cô đơn, bơ vơ.

* Qua hình thức nghệ thuật độc đáo, “Tràng giang” hiện lên là một thế giới quanh hiu, cơ hồ tuyệt đối hoang vắng. Đối diện với không gian vô biên, trống trải, “cái tôi” ấy đi tìm kiếm sự cảm thông của đồng loại. Nhưng con người hoàn toàn vắng bóng.

3. Khổ 3: Vẫn tiếp tục mạch cảm xúc về sự hờ hững, mất hết liên hệ giữa các sự vật. Con mắt thi nhân hướng về cánh bèo, sinh thể nhỏ nhoi, yếu ớt, tượng trưng cho kiếp người trôi nổi trên dòng sông vô định:

*“Bèo dạt về đâu hàng nối hàng
Mênh mông không một chuyến đò ngang
Không cầu gợi chút niềm thân mật
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”.*

+ Ở đây là “bèo dạt” chứ không phải bèo trôi. “Bèo dạt” gợi nên sự xô đẩy, sự lạc loài trôi nổi một cách vô định. “Bèo dạt” đi liền với cụm từ “về đâu” càng làm tăng thêm thân phận lạc loài “hàng nối hàng”.

+ Hơn nữa, câu hỏi tu từ “về đâu” ở đầu khổ thơ vang lên trong nỗi thắc mắc mà không được giải đáp, cánh bèo xưa thường được ví như thân phận người phụ nữ “bèo dạt mây trôi”, “thân gái mười hai bến nước”...

+ Cảnh mênh mang buồn trống vắng quanh hiu được nhân lên bằng mấy lần phủ định: “không một chuyến đò ngang” “không cầu”... “chiếc cầu, con đò” nổi đôi bờ là biểu hiện sự giao nối của con người và cuộc sống, gợi sự tập nập giao lưu.

→ Nghệ thuật tách từ “bãi bờ” khiến tất cả đều chơi vơi, cô đơn, bề bồng lặng lẽ không một dấu ấn của con người: “lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”.

° Tác giả muốn tìm một tri âm để đồng điệu, bày tỏ một niềm khát khao giao cảm với đời. Vậy mà đời vẫn trống vắng tín hiệu để giao lưu để hội nhập tuyệt nhiên không tìm thấy. Tâm trạng tha thiết ngậm ngùi của tác giả dấu là gửi kín ở trong cảnh nhưng ta vẫn cảm nhận được. Câu thơ cuối với nghệ thuật đảo ngữ “lặng lẽ...” đã làm cho con người rơi vào nỗi tuyệt vọng.

4. Khổ 4. Cảnh hoàng hôn:

- Câu thơ đầu mở ra cảnh bầu trời cao rộng, êm ả lúc chiều tà:

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc

+ Lớp lớp mây trắng đùn lên, chồng xếp lên nhau thành một núi mây trắng nổi bật lên trên nền trời xanh, trông như dát bạc. Một bức tranh chuyển động giàu chất tạo hình.

Ôn tập “Tràng giang” (Huy Cận)

Mây "**đùn**" là những đám mây nước vùn vủ nặng nề đang cuộn lên bởi sức mạnh từ bên trong, ánh nắng chiều thu phản chiếu vào lớp lớp mây trắng đùn lên phía chân trời như những lớp núi bạc điệp trùng, hùng vĩ.

→Cảnh đẹp kỳ vĩ nhưng lại gợi cho ta nghĩ đến sự đơn côi bởi giữa cảnh mây núi lớp lớp, chông chênh ấy, một cánh chim bé nhỏ nghiêng cánh là cả bóng chiều sa xuống.

-Hình ảnh cánh chim chiều:

Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa

+Cánh chim như một sinh linh bé bỏng cô đơn trước cái mệnh mông của vũ trụ, cái vĩnh hằng của thời gian.

+Cũng như trong nhiều bài thơ cổ điển, hai câu đầu khổ thơ không nói đến bầu trời mà vẫn gợi được hình ảnh bầu trời cao rộng trong xanh êm ả. Cũng như nhìn cánh chim nhỏ bay nghiêng mà cảm thấy "***bóng chiều sa***", bởi vì trong thơ, trong tranh xưa, chim bay về rừng, về cuối trời, đã trở thành tín hiệu thăm mĩ báo hoàng hôn.

"Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi"

("Cảnh chiều hôm" - Bà Huyện Thanh Quan)

"Chim hôm thoi thót về rừng"

("Truyện Kiều" - Nguyễn Du)

Còn hai câu thơ của Huy Cận đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, thật đẹp, một vẻ đẹp vừa hùng vĩ vừa thơ mộng vừa cổ kính, vừa quen thuộc.

-Nỗi nhớ quê dâng lên cuộn trào, da diết:

Lòng quê dợn dợn vời con nước,

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

Và trước cảnh ấy, nỗi nhớ nhà, một nỗi nhớ khắc khoải vang lên như tiếng gọi tự nhiên. Buổi chiều – khoảng thời gian sum họp, đoàn tụ ...và đứng trước cảnh này, hơn nghìn năm trước, Thôi Hiệu cũng chạnh lòng nhớ quê :

"Nhật mộ hương quan hà xứ thị

Yên ba giang thượng sử nhân sầu"

(Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai)

("Hoàng Hạc lâu" – Thôi Hiệu)

Nhiều người kể cả nhà thơ, khi đọc đến câu này đều phải nói rằng Huy Cận buồn hơn Thôi Hiệu, bởi Thôi Hiệu trông "***khói sóng***" mới nhớ nhà, còn Huy Cận thì ngược lại "***không... cũng nhớ nhà***". Thực ra ai buồn hơn ai làm sao mà xác định được.

Điều quan trọng là Huy Cận có một ý thơ khác. **Xưa Thôi Hiệu buồn vì cõi tiên mờ mịt, quê nhà cách xa...nay Huy Cận buồn trước không gian trong vắng**, muốn tìm một vùng âm áp nơi quê hương. Xưa Thôi Hiệu tìm giấc mơ tiên chỉ thấy hư vô, lòng khát khao một cõi quê hương thực tại. Nay Huy Cận một mình đối diện với khung cảnh vô tình,

Ôn tập “Tràng giang” (Huy Cận)

dợn lên nỗi khát khao quê nhà âm áp, cô đơn ngay trên chính quê hương mình. **Một đăng** là ý thức về thực tại, **một đăng** là ý thức về tình người.

III. Tổng kết:

1. Nội dung:

- **“Tràng Giang”** là một bài thơ buồn, dòng nào cũng buồn. Cái buồn toát ra từ những vật bé mọn, như những kiếp người cô đơn, lạc lõng giữa không gian bao la. Nhưng **“Tràng giang”** là một bài thơ về nên phong cảnh đẹp, giàu màu sắc (**buồn điệp điệp, sâu chót vót, sông dài trời rộng...**) nhiều tương phản, nhiều động từ chỉ sức sống rộn ràng: **sóng gợn, mây đùn, thuyền về, nước lại...** cái buồn của bài thơ rõ ràng không phải do cảnh vật tàn phai, không gian chật hẹp tù túng, mọi vật chết chóc, ngưng đọng.

2. Nghệ thuật: Bài thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa vẻ đẹp **cổ điển**, nhất là yếu tố **Đường thi** với **tinh thần hiện đại** của **thơ Mới**.

- Nhiều yếu tố hiện đại thể hiện “tinh thần Thơ mới” và sự sáng tạo mới mẻ của HC:

+ Một cái **“Tôi”** thơ mới **lãng mạn, giàu cảm xúc trước tạo vật**

+ Hình ảnh sinh động, cảm giác tinh vi phong phú, nhiều sáng tạo bất ngờ: **sâu chót vót, củi một cành khô, chìm nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa, nước sâu trăm ngã...** → tả thực giàu sức gợi: thiên nhiên sống động, sắc nét)

- Đặc biệt, **chất Đường thi thấm đượm: từ thể thơ, thi đề** (Viết về tạo vật thiên nhiên cổ kính, hoang sơ, với tầm vóc mênh mang, vô biên, nhất là thi đề **“cao sơn, lưu thủy”**), **thi tứ** (Tạo ra một hình tượng nghệ thuật lẻ loi, bơ vơ trước tạo vật vô cùng hoặc mất hút giữa thiên nhiên vô tận), thi liệu đến những thủ pháp nghệ thuật đặc trưng (phép đối ngẫu, từ láy dùng theo lối song đối, tạo từ theo phong cách cổ điển **“bến cô liêu”**..)